

Bản án số: 380/2019/HS-ST

Ngày 11-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Việt.

2. Ông Trần Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 459/2019/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4369/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 27/11/2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKTT: 01 Phan Văn T, Phường 02, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông chưa xác định và bà Nguyễn Thị B Thuận; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 09/12/2018 “có mặt”.

2. Vũ Đức V, sinh ngày 17/5/1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKTT: 03 Thích Quảng Đ, Phường 04, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: nhà không số, tổ 05, Phan Văn T, Phường 06, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L và bà Võ Thị N; có vợ và 02 con; tiền án: Tại Bản án số 01/2015/HSST ngày 15/01/2015 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, đến ngày 14/4/2015 chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm và nộp tiền thu lợi bất chính; tại Bản án số 296/2016/HSST ngày 23/8/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

xử phạt 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, đến ngày 30/9/2017 chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/7/2019; tiền sự: Tại Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Bình Thạnh quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng với thời hạn 06 tháng; bị tạm giam từ ngày 09/12/2018, “có mặt”.

3. Bùi Nguyễn Nhân T, sinh ngày 30/5/1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKTT: 07 tổ 2, khu phố 3, phường TTH, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 09/12/2018, “có mặt”.

4. Phạm Văn C, sinh ngày 15/9/1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKTT: 08 Y, Phường 10, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: nhà trọ không số, khu C19, ấp 4B, xã S, huyện R, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phụ bếp; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn J và bà Phạm Thị I; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 222/2011/HSST ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 03 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”, đến ngày 31/8/2013 được đặc xá, đã nộp tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm ngày 05/12/2011; bị tạm giam từ ngày 09/12/2018, “có mặt”.

Bị hại:

1. Ông Phạm Thành F, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: KP4, thị trấn PC, CT, LD; địa chỉ tạm trú: 160 E phường 1, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, “có mặt”.

2. Bà Nguyễn Lê Thục H, sinh năm 1996, địa chỉ thường trú: U, xã HD, huyện DH, tỉnh Y; địa chỉ tạm trú: 2 TĐ, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, “vắng mặt”.

3. Ông Phạm Anh K, sinh năm 1994, địa chỉ thường trú: 4 Trần Q, Phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

4. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1987, địa chỉ thường trú: Ấp 6, xã TB, huyện CL, tỉnh TG; địa chỉ tạm trú: 6 cư xá O, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

5. Ông Huỳnh Hòa Ê, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: 15 Bùi Hữu I, Phường 1, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 6 Phan Văn T, Phường 02, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Anh Â, địa chỉ thường trú: 14 Trần Q, Phường 02, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

2. Ông Phạm MS, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: 2A, tổ 2 Ấp 1, HN, TU, Bình Dương “vắng mặt”.

3. Ông Nguyễn V, sinh năm 1968, địa chỉ thường trú: 23 BĐ, Phường 24, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

4. Ông Võ Minh q, sinh năm 1990, địa chỉ thường trú: Ấp 4, xã TT, huyện GCC, tỉnh TG “vắng mặt”.

5. Ông Huỳnh VT, sinh năm 1966, địa chỉ thường trú: Ấp 1, xã TT, huyện CB, tỉnh TG “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H cùng đối tượng tên A (chưa rõ lai lịch) bàn bạc đi trộm cắp xe máy trên địa bàn quận BT và quận GV, nếu trộm được sẽ bán lấy tiền chia đôi. Do biết Vũ Đức V mua các xe máy do phạm tội mà có nên sau khi trộm cắp được các xe máy, H và A gọi điện thoại cho V để bán các xe trộm cắp cho V. Sau đó, V điện thoại cho Bùi Nguyễn Nhân T để hỏi giá. Do T biết rõ các xe máy mà V bán xe là do phạm tội mà có nên T đặt trên mạng làm trước các biển số xe giả rồi giao cho V và dặn V thay biển số xe giả vào các xe máy do trộm cắp có được trước khi giao xe cho T. Do vậy, khi được T báo giá, V gọi điện thoại báo giá cho H thấp hơn giá của T đưa ra để V hưởng chênh lệch 500.000 đồng/1xe và hẹn H đem các xe trộm cắp đến nhà V để giao. Sau khi mua các xe máy của V, T gọi điện thoại cho Phạm Văn C để thỏa thuận bán xe. T có nói rõ cho C yêu cầu T đặt làm các giấy đăng ký xe giả phù hợp với số khung, số máy và biển số xe giả của xe rồi giao xe qua cho C để C dễ bán lại cho người khác nhằm thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

- Vụ thứ 1:

Khoảng 19 giờ ngày 21/11/2018, A sử dụng chiếc xe máy hiệu Wave S, màu đen (chưa rõ biển số) chở H chạy lòng vòng trên các tuyến đường thuộc địa bàn quận Bình Thạnh để trộm cắp xe gắn máy. Khi đi đến trước nhà số 8 NL, Phường 12, quận BT thì H phát hiện chiếc xe máy hiệu Honda Wave S, màu đỏ xám đen, biển số 49N1-083.aa đang dựng trước nhà, không người trông coi nên nói cho A biết. A dừng xe và đứng bên ngoài đầu hẻm cảnh giới, còn H cầm đoản tiến lại gần chiếc xe rồi dùng đoản bẻ khóa và điều khiển chiếc xe này cùng A tẩu thoát. Sau đó, H điện thoại thỏa thuận xe vừa trộm cắp được cho V, V gọi điện thoại cho T, T báo giá 3.500.000 đồng. Và V gọi điện thoại cho H nói sẽ giao và nhận tiền bán xe. H điều khiển xe vừa trộm cắp được giao cho V và nhận số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền này, H và A chia đôi mỗi người 1.500.000 đồng.

Sau này, V bán lại cho T, do xe cũ nên T chỉ trả cho V 3.000.000 đồng. Và T đã bán cho 01 người thanh niên không rõ lai lịch với giá 4.000.000 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa thu hồi được.

Qua xác minh, chiếc xe biển số 49N1-083.03 do ông Phạm Văn Sơn là cha ruột của anh Phạm Thành F đứng tên chủ sở hữu, xe này ông Sơn giao cho anh F dùng làm phương tiện đi lại. Anh F trình bày: Khoảng 19 giờ ngày 21/11/2018, anh F có điều khiển chiếc xe này đến nhà người thân tại địa chỉ 8 NL, Phường 12, quận BT để dự tiệc, khi ra về thì anh phát hiện chiếc xe của mình đã mất trộm nên đã đến Công an Phường 12, quận Bình Thạnh trình báo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 43/KLGĐTS-TCKH của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 30/01/2019 kết luận: Chiếc xe Wave S biển số 49N1-083.aa trị giá là 7.000.000 đồng.

- Vụ thứ 2:

Ngày 30/11/2018, A đem xe máy hiệu Honda Visson biển số 78G1-216.bb để bán cho V và nói cho V biết là do trộm cắp mà có, V gọi điện thoại hỏi T mua giá bao nhiêu thì được T báo là 7.500.000 đồng. Sau đó, V thỏa thuận mua lại xe này của A với giá là 7.000.000 đồng. Sau khi mua xe từ A, V thay biển số 50N1-015.cc giả gắn vào chiếc xe trên để bán cho T để nhận số tiền bán xe là 7.500.000 đồng, V hưởng lợi 500.000 đồng. Sau khi mua xe này, T điện thoại bán chiếc xe này cho C với giá 12.000.000 đồng. C đồng ý mua xe và yêu cầu T làm giấy đăng ký xe giả mang biển số 50N1-015.cc rồi đem xe cùng giấy đăng ký xe giả giao cho C, C đăng tin rao bán xe này trên mạng Internet. Đến ngày 05/12/2018, C điều khiển xe máy hiệu Honda Visson nói trên đến điểm hẹn bán xe cho người khác thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính và tạm giữ chiếc xe trên.

Qua xác minh, được biết chiếc xe hiệu Honda Visson biển số giả 50N1-015.cc có biển số thật là 78G1-216.bb, do ông Nguyễn Trần KT là cha ruột của chị Nguyễn Lê Thục H đứng tên chủ sở hữu. Chiếc xe này, ông Từ để cho chị Nhân dùng làm phương tiện đi lại. Chị H trình bày: Khoảng 14 giờ ngày 28/11/2018, chị H điều khiển xe Visson biển số 78G1-216.58 đến trước Trung tâm anh ngữ K, địa chỉ: 40J Huỳnh Đh, Phường 14, quận BT. Chị Nhân dựng xe trước cửa, quên rút chìa khóa xe rồi vào bên trong phòng xin việc làm. Khoảng 15 phút sau, chị H đi ra thì phát hiện chiếc xe của mình bị mất nên đến Công an Phường 14, quận Bình Thạnh trình báo.

Tại bản kết luận giám định số: 305/KLGD-TT ngày 29/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự kết luận: Giấy đăng ký xe mô tô số 011022, biển số 59N1-015.cc được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 36/KLGĐTS-TCKH ngày 30/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe Honda Vision, biển số 78G1-216.bb trị giá là 15.000.000 đồng.

- Vụ thứ 3:

Ngày 01/12/2018, A đem chiếc xe máy hiệu Yamaha Nozza, biển số 59S2-272.89 đến bán cho V và nói cho V biết là do trộm cắp mà có, V điện thoại hỏi T mua xe này bao nhiêu thì T báo là 7.000.000 đồng. Sau đó, V mua xe này của A với giá 6.500.000 đồng. Và V giao xe cho T để nhận số tiền bán xe là 7.000.000 đồng, V hưởng lợi là 500.000 đồng. Sau khi mua xe, T đem xe về nhà cất giấu, thay biển số 50Y1-390.dd giả vào, đặt làm giấy đăng ký xe giả cho phù hợp và chưa kịp bán thì bị thu giữ.

Qua xác minh, được biết chiếc xe hiệu Yamaha Nozza do Phạm AT là anh ruột của Phạm Anh K đứng tên sở hữu. Chiếc xe này, anh AT đưa cho K dùng làm phương tiện đi lại. Anh K trình bày: Khoảng 21 giờ ngày 01/12/2018, anh K có điều khiển chiếc xe này đến nhà người thân tại số 08 Lê QĐ, Phường 1, quận GV, anh K dựng xe trước nhà rồi vào trong nhà chơi, khi ra phát hiện bị mất trộm xe. Sau đó, anh K có đến Công an Phường 1, quận GV trình báo sự việc.

Tại bản kết luận giám định số: 305/KLGD-TT ngày 29/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận: Giấy đăng ký xe mô tô số 018625, biển số 50Y-390ee được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53/KL ngày 25/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe Yamaha Nozza, biển số 59S2-272.ee trị giá 12.500.000 đồng.

- Vụ thứ 4:

Ngày 02/12/2018, A tiếp tục đem xe máy hiệu Honda Future, biển số 63B2-631.52 để bán cho V và nói cho V biết do trộm cắp mà có, V gọi điện thoại hỏi T mua giá bao nhiêu, T báo là 8.000.000 đồng. Sau đó, V mua xe của A với giá 7.500.000 đồng. Sau khi mua xe, V thay biển số mới 63B7-403.ff giả rồi giao xe cho T để nhận số tiền bán xe là 8.000.000 đồng, V hưởng lợi 500.000 đồng. T đặt làm giấy đăng ký xe giả mang biển số 63B7-403.ff và bán lại xe này kèm giấy đăng ký xe giả cho C với giá 11.000.000 đồng. Sau đó, C đem xe gửi tại bãi giữ xe bệnh viện nhi đồng 1 đến tìm người bán nhưng chưa kịp bán thì bị thu giữ chiếc xe trên.

Qua xác minh, được biết chiếc xe hiệu Honda Future, biển số 63B2-631.ee do ông Đặng Văn Tròn là cha ruột của anh Nguyễn Tiến D đứng tên chủ sở hữu. Chiếc xe này, ông O để cho anh D dùng làm phương tiện đi lại. Anh D trình bày: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/12/2018, anh D có điều khiển xe này đến quán cà phê TN tại số 4 BĐ, Phường 24, quận BT, anh D dựng xe trước cửa quán và vào bên trong uống nước, khi ra về thì phát hiện bị mất trộm xe. Sau đó, anh D có đến Công an Phường 24, quận BT trình báo sự việc.

Tại bản kết luận giám định số 305/KLGD-TT ngày 29/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận: Giấy đăng ký xe mô tô số 018642, biển số 63B7-403.ff được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KLGĐTS-TCKH ngày 15/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe Future biển số 63B2-631.ee trị giá 16.000.000 đồng.

- Vụ thứ 5:

Ngày 05/12/2018, A đã đem xe máy hiệu Honda Vision, biển số 59S1-640.gg giao cho H và nói với H là xe do A vừa trộm cắp được, A nhờ H đem xe đi bán cho Hoàn. Sau đó, H đã đem xe này tới bán cho V, V hỏi T mua xe này bao nhiêu, T báo giá là 5.000.000 đồng, sau đó V mua xe này của H với giá 4.500.000 đồng, H đem số tiền bán xe về giao cho A và được A chia tiền là 500.000 đồng. Sau đó, V thay biển số 59Y2-839.dd giả gắn vào xe rồi bán cho T và nhận số tiền bán xe là 5.000.000 đồng, V hưởng lợi 500.000 đồng. Sau khi mua xe này, T đem xe về cất giấu tại nhà trọ của T, chưa kịp đặt làm giấy tờ giả và bán xe thì bị thu giữ.

Qua xác minh, được biết chiếc xe hiệu Honda Vision, biển số 59S1-640.gg do anh Huỳnh Hòa Ê đứng tên sở hữu. Anh Ê trình bày: Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 05/12/2018, anh Ê có điều khiển xe này đi làm về phòng trọ tại nhà số 12 Phan Văn T, Phường 02, quận BT để ngủ và dựng xe trước cửa phòng trọ. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì phát hiện bị mất trộm xe. Sau đó, anh Ê có đến Công an Phường 02, quận BT trình báo sự việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KLĐGTS-TCKH ngày 30/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe Honda Vision, biển số 59S1-640.68 trị giá là 9.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H, Vũ Đức V, Bùi Nguyễn Nhân T và Phạm Văn C khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản cáo trạng số 332/CT-VKS-P2 ngày 22/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo Vũ Đức V về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Bùi Nguyễn Nhân T và Phạm Văn C về các tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 323 và điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo Vũ Đức V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo Bùi Nguyễn Nhân T và bị cáo Phạm Văn C phạm

tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, đề nghị:

Áp dụng điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, Điều 55, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt chung là từ 24 tháng tù đến 36 tháng tù.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Vũ Đức V từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 323, điểm b khoản 2 Điều 341 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Nguyễn Nhân T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, từ 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung là từ 04 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù;

Và xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, từ 02 năm tù đến 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung là từ 03 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại yêu cầu trả lại các xe gắn máy theo quy định, còn bị hại ông Phạm Thành F yêu cầu bị cáo H bồi thường 7.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường.

Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Xét lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Đức V, Bùi Nguyễn Nhân T và Phạm Văn C tại phiên tòa cơ bản phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản xác định địa điểm, biên bản nhận dạng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, bản tự khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ ngày 21/11/2018, tại số 8 NL, Phường 12, quận BT, Nguyễn Văn H đã cùng đối tượng tên A lén lút chiếm đoạt

01 chiếc xe gắn máy biển số 49N1-083.aa có giá trị 7.000.000 đồng. Đồng thời, H có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với xe gắn máy biển số 59S1-640gg hưởng lợi 500.000 đồng. Từ ngày 21/11/2018 đến ngày 05/12/2018, Vũ Đức V và Bùi Nguyễn Nhân T đã có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với 05 xe gắn máy biển số 49N1-083.aa, 78G1-216.bb, 63B2-631.ee, 59S2-272.ff và 59S1-640.gg, V hưởng lợi 2.000.000 đồng và Bùi Nguyễn Nhân T hưởng lợi 8.500.000 đồng; Phạm Văn C đã có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với 02 xe gắn máy biển số 78G1-216.bb, 63B2-631.ee, chưa được hưởng lợi. Ngoài ra, T và C còn có hành vi thuê người làm giả các giấy đăng ký giả đối với 02 xe gắn máy biển số 59S2-272.ff và 59S1-640.gg; T và C thuê làm giả giấy đăng ký đối với 02 xe gắn máy biển số 78G1-216.bb, 63B2-631.ee.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính. Chỉ vì cần tiền tiêu xài nhưng lười lao động, bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe gắn máy biển số 49N1-083.aa qua định giá có giá trị 7.000.000 đồng và cùng thỏa thuận với bị cáo Vũ Đức V tiêu thụ chiếc xe gắn máy biển số 59S1-640.gg dù biết là tài sản do hành vi phạm tội mà có, nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Vũ Đức V, Bùi Nguyễn Nhân T và Phạm Văn C biết các xe gắn máy do hành vi phạm tội mà có nhưng vẫn thỏa thuận mua bán nhằm mục đích hưởng lợi, qua đó, Vũ Đức V có hành vi tiêu thụ 5 xe gắn máy hưởng lợi 2.000.000 đồng; Bùi Nguyễn Nhân T có hành vi tiêu thụ 5 xe gắn máy hưởng lợi 8.500.000 đồng; Phạm Văn C có hành vi tiêu thụ tài sản đối với 02 xe gắn máy chưa được hưởng lợi. Hành vi của các bị cáo Vũ Đức V, Bùi Nguyễn Nhân T và Phạm Văn C đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Vũ Đức V đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, để hợp thức hóa cho các xe gắn máy trộm cắp, các bị cáo Bùi Nguyễn Nhân T, Phạm Văn C còn thuê người làm giả các giấy đăng ký xe, hai lần mỗi lần T, C thuê làm giả 02 giấy đăng ký xe gắn máy. Hành vi của các bị cáo Bùi Nguyễn Nhân T, Phạm Văn C đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Bùi Nguyễn Nhân T và Phạm Văn C phạm nhiều tội trong 1 lần xét xử nên phải chịu tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo về hình phạt đặt ra phải nghiêm, phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt do các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T phạm tội lần đầu đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo H phạm tội trộm cắp tài sản khi chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình cho bị cáo.

[2] Xét cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Đức V, Bùi Nguyễn Nhân T và Phạm Văn C về khung, điều luật và tội danh như đã viện dẫn trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét phân luận tội của Kiểm sát viên là đa phần đồng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kháng nghị về hành vi, quyết định của họ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Các biện pháp tư pháp:

- Đối với chiếc xe Wave S biển số 49N1-083.aa do bị cáo Nguyễn Văn H trộm cắp của ông Phạm Thành F, bán cho Vũ Đức V và Bùi Nguyễn Nhân T tiêu thụ đến nay không thu hồi được, ông F yêu cầu bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo H là người gây ra thiệt hại cho bị hại về tài sản, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận và buộc bị cáo bồi thường.

- Xét các bị cáo Nguyễn Văn H hưởng lợi 500.000 đồng, Vũ Đức V hưởng lợi 2.000.000 đồng và Bùi Nguyễn Nhân T hưởng lợi 8.500.000 đồng từ việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền này.

Theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Xử lý vật chứng, án phí:

- Đối với 04 chiếc xe gắn máy: 01 xe hai bánh gắn máy nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Vision, SK: RLHJF5809EY064082, SM: JF58E0064172; 01 xe hai bánh gắn máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe 02 bánh, số loại Nozza, SK: RLCSE7610FY043847, SM: E3N4E043857; 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Future, SK:

RLHJC7604GZ018454, SM: JC76E0056155; 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Vision, SK: RLHJF3309CY132440, SM: JF33E0132486 qua xác minh xác định được các chủ sở hữu bị mất xe và có yêu cầu nhận lại nên trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với biển số xe 59S2-924.cc qua xác minh là của ông Nguyễn Văn U bị mất nên trả lại cho ông Sáu.

- Đối với 04 xe gắn máy: 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Winner, SK: RLHKC2600GY208281, SM: KC26E021277; 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Blade, BS: 63B1-746.26, SK: RLHJA3650GY101475, SM: JA36R0568533; 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Suzuki, loại xe 02 bánh, số loại Satria, BS: 61E1-680.06, SK: MH8DL11AZJJ153243, SM: CGA1ID153242; 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu không rõ, loại xe 02 bánh, số loại không rõ, BS: 71V2-0797 (biển số giả), SK: NZ125TS3501AY608148 (số mở không đọc được), SM: NZ125C35E-3216446 qua xác minh chưa xác định, làm việc được với chủ sở hữu xe nên cần tiếp tục đăng báo trong thời hạn 6 tháng, quá thời hạn trên nếu không có chủ sở hữu hợp pháp đến nhận thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số điện thoại thu giữ của các bị cáo, xét thấy có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với các biển số xe giả không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, điểm i điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Nguyễn Văn H).

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Vũ Đức V).

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Bùi Nguyễn Nhân T).

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Phạm Văn C).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt chung là 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2018.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức V 03 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2018.

Xử phạt bị cáo Bùi Nguyễn Nhân T 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung là 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung là 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2018.

Căn cứ Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho ông Phạm Thành F số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tịch thu bị cáo Nguyễn Văn H 500.000 đồng, bị cáo Vũ Đức V 2.000.000 đồng, bị cáo Bùi Nguyễn Nhân T 8.500.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho:

- Bà Nguyễn Lê Thục H 01 xe hai bánh gắn máy nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Vision, số khung: RLHJF5809EY064082, số máy: JF58E0064172;

- Ông Phạm Anh K 01 xe hai bánh gắn máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe 02 bánh, số loại Nozza, số khung: RLCSE7610FY043847, số máy: E3N4E043857;

- Ông Nguyễn Tiến D 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Future, số khung: RLHJC7604GZ018454, số máy: JC76E0056155;

- Ông Huỳnh Hòa Ê 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Vision, số khung: RLHJF3309CY132440, số máy: JF33E0132486;
- Ông Nguyễn Văn U 01 biển số xe: 59S2-924.39.

Giao Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày đăng báo đối với 04 xe gắn máy sau, nếu hết thời hạn này mà không ai đến nhận thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Winner, số khung: RLHKC2600GY208281, số máy: KC26E1021277;
- 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, số loại Blade, biển số: 63B1-746.26, số khung: RLHJA3650GY101475, số máy: JA36R0568533;
- 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Suzuki, loại xe 02 bánh, số loại Satria, biển số: 61E1-680.06, số khung: MH8DL11AZJJ153243, số máy: CGA1ID153242;
- 01 xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu không rõ, loại xe 02 bánh, số loại không rõ, biển số: 71V2-0797 (biển số giả), số khung: NZ125TS3501AY608148 (số mờ không đọc được), số máy: NZ125C35E-3216446.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 06 điện thoại di động:

- 01 Samsung imei 1: 353236070383867, imei 2: 353237070383865;
- 01 Iphone model A1688 ID BCG – E2946A;
- 01 Iphone model A1522 FCCIDE 2817A;
- 01 LG màu xám;
- 01 Samsung, imei 1: 359752072649240, imei 2: 359753072649248 (bỏ nắp sau lưng);
- 01 Microsoft, màu đen, Imei: 359738060308147.

Tịch thu và tiêu hủy các biển số xe: 50N1-015.55, 50Y1-390.79, 63B7-403.50, 59Y2-839.79.

(Theo biên bản tang T vật số 405/19 ngày 15/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H chịu 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (4)
- Bị cáo; (4)
- Đường sự; (11)
- THAHS TP.HCM; (4)
- CA TP. HCM; (1)
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (6) (41)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đức Nam